

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Ngô Văn Được và ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp N, xã N, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trương Kim H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp N, xã N, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Văn L trình bày: Vào năm 2016, ông và bà Trương Kim H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 15/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay ông yêu cầu ly hôn với bà Trương Kim H.

- Về con chung: không có, không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Phạm Văn L yêu cầu chia tài sản về việc yêu cầu bà H phải trả 22 chỉ vàng 24K có giá 12.500.000 đồng/chỉ, tổng cộng 275.000.000 đồng. Tuy nhiên ông L đã rút lại đối với yêu cầu chia tài sản.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày 22/5/2025, Giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 15/6/2016 (bản chính); Các giấy nộp tiền ngân hàng (photo); Bản án số 323/2024 DSPT ngày 31/12/2024 (photo); Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 273/2022/NH-VCB-AGI-TGLX(photo); Giấy nhận nợ ngày 18/01/2022 (photo); Xác nhận thông tin nơi cư trú Phạm Văn L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên ông L, bà H xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà H; bà H được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với ông L. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định. Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú được đại diện Công an xã N, tỉnh An Giang cung cấp xác nhận thông tin bà Trương Kim H vẫn còn đăng ký cư trú tại xã N, tỉnh An Giang đi làm xa, thỉnh thoảng về nhà.

Tại phiên tòa, ông L có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà H. Bà H vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:* ông L và bà H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 15/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay ông yêu cầu ly hôn với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà H là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn. Ông L yêu cầu ly hôn, bà H không có ý kiến phản hồi, đều vắng mặt, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung không có, không đề cập. Về quan hệ tài sản chung: ông Phạm Văn L yêu cầu chia tài sản về việc yêu cầu bà H phải trả 22 chỉ vàng 24K có giá 12.500.000 đồng/chỉ, tổng cộng 275.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông L đã rút lại đối với yêu cầu chia tài sản. Về nợ chung ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Phạm Văn L đối với bà Trương Kim H, đình chỉ yêu cầu chia tài sản của ông Phạm Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trương Kim H, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Trương Kim H có nơi cư trú tại địa bàn xã N, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Bị đơn Trương Kim H vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, xử vắng mặt bà H. Nguyên đơn ông Phạm Văn L có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Ông L, bà H quen biết, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 15/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã N, tỉnh An Giang) thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; ông L yêu cầu ly hôn, bà H không phản hồi, không có mặt theo giấy triệu tập. Ông L xác định không còn tình cảm với bà H và kiên quyết xin được ly hôn; Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa Ông L, bà H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của ông L xin ly hôn với bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn L rút lại đối với việc yêu cầu chia tài sản yêu cầu chia tài sản về việc yêu cầu bà H phải trả 22 chỉ vàng 24K có giá 12.500.000 đồng/chỉ, tổng cộng 275.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản của ông Phạm Văn L.

[5] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Do ông Phạm Văn L là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Bà Trương Kim H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273, 217, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L. Cho ông Phạm Văn L được ly hôn với bà Trương Kim H.

2. *Về con chung:* không có; không đề cập.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu đối với việc chia tài sản chung của ông Phạm Văn L.

4. *Về nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* ông Phạm Văn L là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trương Kim H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Ông Phạm Văn L, bà Trương Kim H, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong